

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 04/NQ-ĐHCĐTN ngày 30 tháng 3 năm 2014 thông qua phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2013 như sau:

- Trả cổ tức bằng tiền năm 2013 là 70% vốn điều lệ, tương đương 88.200.000.000 đồng, trong đó đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2013 là 63.000.000.000 đồng, hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2014 là 24.629.240.000 đồng, tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 cho cổ đông theo nghị quyết phiên họp thường kỳ số 07/2014/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2014 số tiền 18.471.930.000 đồng (chênh lệch 570.760.000 đồng là do Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ trong kỳ, theo đó không phải trả cổ tức cho số cổ phiếu quỹ này);

- Trích quỹ đầu tư phát triển là 29.825.975.492 đồng;

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 8.000.000.000 đồng; trích quỹ ban điều hành năm 2013 là 1.000.000.000 đồng; bên cạnh đó, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2014 với số tiền là 1.454.785.681 đồng. Số tạm trích này sẽ được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê chuẩn trong năm 2015.

(ii) Trong năm, Công ty thực hiện mua 285.380 cổ phiếu quỹ tương ứng với số tiền là 18.101.620.304 đồng.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 126 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2014		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	5.876.280	46,64	58.762.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.021.300	8,11	10.213.000.000
Cổ đông đặc biệt (HĐQT, BKS, BGD, KTT)	1.039.200	8,25	10.392.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và khoáng sản Hà Giang (Cổ phiếu quỹ)	285.380	2,26	2.853.800.000
Các cổ đông khác	4.377.840	34,74	43.778.400.000
	<b>12.600.000</b>	<b>100</b>	<b>126.000.000.000</b>

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	12.600.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	285.380	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.314.620	12.600.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. DOANH THU BÁN HÀNG**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	115.440.449.698	165.762.483.624
<i>Doanh thu kim loại antimon</i>	<i>115.440.449.698</i>	<i>165.762.483.624</i>
	<b>115.440.449.698</b>	<b>165.762.483.624</b>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng bán	64.852.030.145	63.398.069.880
<i>Giá vốn kim loại antimon</i>	<i>64.852.030.145</i>	<i>63.398.069.880</i>
	<b>64.852.030.145</b>	<b>63.398.069.880</b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.458.026.418	14.966.844.318
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	294.475.622	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	295.067.924	1.311.013.530
Doanh thu hoạt động tài chính khác	461.805.552	254.909.567
	<b>7.509.375.516</b>	<b>16.532.767.415</b>

**18. (LỖ) KHÁC**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập khác	155.521.357	394.572.407
	<b>155.521.357</b>	<b>394.572.407</b>
Chi phí đóng góp cho Tỉnh Hà Giang	7.560.000.000	8.190.000.000
Chi phí khác	1.583.842.429	3.703.296.438
	<b>9.143.842.429</b>	<b>11.893.296.438</b>
	<b>(8.988.321.072)</b>	<b>(11.498.724.031)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>32.221.319.489</b>	<b>95.389.068.053</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.596.820.712	1.065.654.071
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>42.818.140.201</b>	<b>96.454.722.124</b>
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	44.591.561.379	95.657.220.700
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác	(1.773.421.178)	797.501.424
Thuế suất (i)	10% và 22%	10% và 25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.281.814.020</b>	<b>13.616.721.097</b>
<i>Ưu đãi giảm thuế:</i>		
Ưu đãi giảm 50% thuế cho hoạt động chính	2.140.907.010	4.782.861.035
	<b>2.140.907.010</b>	<b>8.833.860.062</b>

(i) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, thuế suất phổ thông áp dụng là 22% theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.080.412.479	86.555.207.991
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.413.422	12.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.423	6.869

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.832.650.979	26.577.602.278
Chi phí nhân công	25.442.021.081	21.952.658.451
Chi phí khấu hao	7.812.015.756	11.879.185.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.191.260.861	11.297.293.086
Chi phí khác bằng tiền	15.842.399.269	10.785.123.512
	<b>92.120.347.946</b>	<b>82.491.862.624</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong năm, Công ty chỉ thực hiện khai thác, chế biến và bán quặng antimony và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực nêu trên và khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	576.990.545	603.148.800

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	230.181.818	614.251.200
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	254.114.880
	<b>230.181.818</b>	<b>868.366.080</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 80 m<sup>2</sup> tại tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.600.195.317	189.717.281.266
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.807.191.658	11.238.311.163
Đầu tư dài hạn	65.176.000.000	38.926.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>196.583.386.975</b>	<b>239.881.592.429</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	43.966.550.931	12.474.065.667
Chi phí phải trả	115.000.000	461.096.225
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.081.550.931</b>	<b>12.935.161.892</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản			
	31/12/2014		31/12/2013	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.835.593	38.999.001.442	1.400.559	29.462.168.380
Nhân dân tệ (CNY)	672	2.291.252	235.490	73.723.259

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Trong kỳ, Công ty đầu tư mua thêm 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 26.250.000.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu của một khách hàng mà từ trước đến nay chưa phải trích lập dự phòng phải thu cho khách hàng này.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.600.195.317	-	123.600.195.317
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.807.191.658	-	7.807.191.658
Đầu tư dài hạn	-	65.176.000.000	65.176.000.000
	<b>131.407.386.975</b>	<b>65.176.000.000</b>	<b>196.583.386.975</b>
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	28.757.414.931	15.209.136.000	43.966.550.931
Chi phí phải trả	115.000.000	-	115.000.000
	<b>28.872.414.931</b>	<b>15.209.136.000</b>	<b>44.081.550.931</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>102.534.972.044</b>	<b>49.966.864.000</b>	<b>152.501.836.044</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	189.717.281.266	-	189.717.281.266
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.238.311.163	-	11.238.311.163
Đầu tư dài hạn	-	38.926.000.000	38.926.000.000
	<b>200.955.592.429</b>	<b>38.926.000.000</b>	<b>239.881.592.429</b>
<b>31/12/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.465.065.667	9.000.000	12.474.065.667
Chi phí phải trả	461.096.225	-	461.096.225
	<b>12.926.161.892</b>	<b>9.000.000</b>	<b>12.935.161.892</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>188.029.430.537</b>	<b>38.917.000.000</b>	<b>226.946.430.537</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.